

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH

Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo với dự thảo Thông tư Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo để thay thế Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG.

hTHÔNG TƯ SỐ 03/2025/TT-BDTTG NGÀY 24/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo	DỰ THẢO THÔNG TƯ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo (Ghi chú: Phần chữ màu đỏ là phần sửa đổi so với Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG)	THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THÔNG TƯ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo <i>Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</i>	THÔNG TƯ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo <i>Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;</i> <i>Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;</i>	Thay đổi các căn cứ ban hành để phù hợp với các quy định hiện hành

<i>Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;</i> <i>Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;</i> <i>Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo..</i>	<i>Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;</i> <i>Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;</i> <i>Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.</i>	
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 và khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng đối với lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 và khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 3; khoản 16; điểm đ khoản 18; điểm b khoản 19; điểm d khoản 24; điểm b khoản 28; điểm b khoản 29 Điều 1 của Luật số 06/2026/QH16 đối với lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.	Bổ sung các quy định được giao trong Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung trong Luật số 06/2026/QH16 và Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 29/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại kỳ họp thứ nhất.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo; các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo.	Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo; các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo.	Giữ nguyên
	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ bao gồm: các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ được quy định trong Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các văn bản khác. 2. “Các tập thể nhỏ” bao gồm: Các đơn vị cấu thành thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ được quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ bao gồm các đơn vị được quy định sử dụng con dấu riêng; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quy định trong Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các văn bản khác	Bổ sung mới
Chương II ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG	Chương II ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	Cập nhập một số nội dung của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16. Đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ

		Dân tộc và Tôn giáo (từ Điều 4 đến Điều 15)
Điều 3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cá nhân thuộc các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Chỉ xét tặng cho cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (hợp đồng thời hạn 01 năm trở lên) có thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng. 3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, hoàn thành khóa học, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...) thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. 4. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. 5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.	Điều 4. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi bởi Luật số 06/2026/QH16. 2. Chỉ xét tặng cho cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (hợp đồng thời hạn 01 năm trở lên) có thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng. 3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, hoàn thành khóa học, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...) thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. 4. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. 5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.	Bổ sung khoản 7, khoản 8

6. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến một cơ quan, đơn vị trong một thời gian nhất định: Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái thực hiện. Trong trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên, cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái xin ý kiến cơ quan, đơn vị cũ.	6. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến một cơ quan, đơn vị trong một thời gian nhất định: Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái thực hiện. Trong trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên, cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái xin ý kiến cơ quan, đơn vị cũ. 7. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Cá nhân có tổng thời gian không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm xét khen thưởng từ 03 tháng trở lên, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP); b) Cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV và cá nhân ký hợp đồng lao động lần đầu dưới 06 tháng. 8. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm: Các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được quy định tại khoản 1 Điều 3.	
Điều 4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” 1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” theo phong trào thi đua thường xuyên hằng năm được xét tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổ chức, đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.	Điều 5. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” 1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” theo phong trào thi đua thường xuyên hằng năm được xét tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổ chức, đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi	Cập nhật căn cứ pháp lý, nội dung cơ bản giữ nguyên.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua. 3. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ quy định cụ thể theo từng phong trào thi đua.	đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi bởi Luật số 06/2026/QH16. 2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua. 3. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ quy định cụ thể theo từng phong trào thi đua.	
Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Đối tượng xét tặng có thời gian hoạt động chính thức từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng.	Điều 6. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi bởi Luật số 06/2026/QH16. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3.	Bổ sung đối tượng, tiêu chuẩn và viện dẫn Luật sửa đổi.
Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. 2. Đối tượng xét tặng có thời gian hoạt động chính thức từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng.	Điều 7. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi bởi Luật số 06/2026/QH16. 2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3.	Bổ sung đối tượng, tiêu chuẩn và viện dẫn Luật sửa đổi..
Điều 7. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” về thành tích theo công trạng:	Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo	

a) Tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở. b) Tặng cho tập thể các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể. 2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” về thành tích trong phong trào thi đua thường xuyên hằng năm, theo chuyên đề do Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động: được xét tặng khi tổng kết phong trào thi đua thường xuyên hằng năm, theo chuyên đề; Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ xét tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua. Về đối tượng, số lượng Bằng khen, tiêu chuẩn xét tặng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ quy định cụ thể theo từng phong trào thi đua. 3. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có thành tích	1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động hoặc tổ chức, triển khai thực hiện; b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ khác do Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; d) Cá nhân thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở; đ) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí; e) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Dân tộc và Tôn giáo góp phần xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo, nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo hoặc của đơn vị; g) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định.	- Quy định chi tiết hơn đối với thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo khi xét tặng Bằng khen. - Bổ sung xét khen thưởng đối với các tập thể nhỏ (đơn vị cấu thành) của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.
---	--	---

xuất sắc đột xuất: được xét tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải thưởng cao tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm cấp quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo; có sáng kiến, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ đem lại hiệu quả cao hoặc tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

4. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” về thành tích có quá trình đóng góp lâu năm cho sự nghiệp xây dựng và phát triển về lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo: được xét tặng cho các tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo vào các năm tròn và năm lẻ 5.

5. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” tặng cho các tập thể và cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo: Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, khen thưởng.

a) Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, trình Bộ trưởng tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hoặc có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, của công tác dân tộc và tôn giáo.

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ khác do Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

đ) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Dân tộc và Tôn giáo góp phần xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập cơ quan làm công tác dân tộc và tôn giáo hoặc cơ quan, đơn vị;

e) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định.

b) Tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, khen thưởng. 6. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” xét tặng cho tập thể, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự phát triển của lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo. 7. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định theo thẩm quyền.	4. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo. 5. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo” tặng cho các tập thể và cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo: Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, khen thưởng. a) Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, trình Bộ trưởng tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo. b) Tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, khen thưởng 6. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của công tác dân tộc và tôn giáo. 7. Không xét tặng Bằng khen đối với cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ	
Điều 8. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”	Điều 9. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”	

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” là hình thức thể hiện sự tôn vinh và ghi nhận thành tích của Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo. Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng. 2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” được xét tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Đối với cá nhân công tác trong các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo: cán bộ công chức, viên chức, người lao động có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên đối với nam, 13 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương. Cá nhân nữ được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm so với thời gian quy định. b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo, gồm: Là người dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc tôn giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Thầy thuốc nhân dân. Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo do cơ quan có thẩm quyền công nhận; doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các sở, ban, ngành cấp tỉnh	1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” là hình thức thể hiện sự tôn vinh và ghi nhận thành tích của Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo. Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng. Các cơ quan, tổ chức, địa phương gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” về Bộ Dân tộc và Tôn giáo trước ngày 20 tháng 02 hàng năm. 2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” được xét tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Đối với cá nhân công tác trong các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo: cán bộ công chức, viên chức, người lao động có thời gian công tác liên tục từ 18 năm trở lên đối với nam, 15 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương. Cá nhân nữ được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm so với thời gian quy định. b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo, gồm: Là người dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc tôn giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Thầy thuốc nhân dân. Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo do cơ quan có thẩm quyền công nhận; doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đang làm nhiệm	Cơ bản giữ nguyên, thay đổi, bổ sung nội dung: - Thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng. - Tăng thời gian để được xét tặng Kỷ niệm chương.
---	--	--

đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo: có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương và đã được tặng Bằng khen của cơ quan chủ quản.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp xã đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo: có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên đối với nam, 13 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Giấy khen hoặc Bằng khen của cơ quan chủ quản.

Cá nhân nữ được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm so với thời gian quy định.

c) Các trường hợp khác được xét tặng Kỷ niệm chương:

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương; Lãnh đạo các tỉnh, thành phố có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

Cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam; Đại hội, Hội nghị cấp toàn đạo của tổ chức tôn giáo.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có thành tích góp phần củng cố, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, tôn giáo có công lao giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về vật chất và tinh thần cho sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

vụ liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo: có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương và đã được tặng Bằng khen của cơ quan chủ quản.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp xã đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào tôn giáo: có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên đối với nam, 13 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Giấy khen hoặc Bằng khen của cơ quan chủ quản.

c) Các trường hợp khác được xét tặng Kỷ niệm chương:

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương; Lãnh đạo các tỉnh, thành phố có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

Cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam; Đại hội, Hội nghị cấp toàn đạo của tổ chức tôn giáo.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có thành tích góp phần củng cố, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, tôn giáo có công lao giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về vật chất và tinh thần cho sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

3. Tính đến thời điểm nghỉ hưu, nếu cá nhân cả trong và ngoài các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo nếu còn thiếu từ 01 đến dưới 12 tháng thời gian so với quy định thì được xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu.

3. Tính đến thời điểm nghỉ hưu, nếu cá nhân cả trong và ngoài các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo nếu còn thiếu từ 01 đến dưới 12 tháng thời gian so với quy định thì được xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu. 4. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ. Cá nhân bị kỷ luật thì thời gian bị kỷ luật không được tính là thời gian xét tặng Kỷ niệm chương	4. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ. Cá nhân bị kỷ luật thì thời gian bị kỷ luật không được tính là thời gian xét tặng Kỷ niệm chương.	
--	---	--

Điều 9. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ

1. “Giấy khen” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị phát động.
- c) Lập được nhiều thành tích hoặc có thành tích xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực thuộc phạm vi do cơ quan, đơn vị quản lý.

2. “Giấy khen” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.
- b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua.
- c) Lập được nhiều thành tích hoặc có thành tích xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực thuộc phạm vi do cơ quan, đơn vị quản lý.

3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tặng cho người học được thực hiện theo Điều lệ trường và các quy

Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ tặng Giấy khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình theo các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;
- c) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có thành tích, đóng góp cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị được xét tặng nhân dịp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn).

2. Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;
- c) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể;
- d) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, được xét tặng nhân dịp cơ quan, đơn vị,

Kế thừa và quy định chi tiết hơn thẩm quyền xét tặng Giấy khen của các đơn vị có tư cách pháp nhân

định có liên quan do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. 4. Xét tặng thưởng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua hằng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.	doanh nghiệp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn). 3. Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho địa phương và xã hội trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị. 4. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị.	
---	---	--

Điều 10. Mức chi tiền thưởng và vật tư khen thưởng

- 1. Các tập thể, cá nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo chi tiền thưởng theo quy định tại mục 2, Chương 7 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.
- 2. Các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo chi tiền thưởng bằng nguồn kinh phí ngân sách được giao hằng năm.

Điều 11. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng bảo đảm đúng thời hạn, thành phần, nội dung theo quy định. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình trước khi trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c và e khoản 1 Điều 8; điểm b, c và đ khoản 3 Điều 8 của Thông tư này phải có ý kiến thống nhất của Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.
3. Việc tiếp nhận, lập hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác dân tộc, tôn giáo thuộc các tỉnh, thành phố do Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố chủ trì hoặc tham mưu thực hiện.
5. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay cơ quan, đơn vị đã thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc sáp nhập thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận), hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị cá nhân đó trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
6. Việc khen thưởng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi bởi Luật số 06/2026/QH16 và các văn bản liên quan về khen thưởng có yếu tố nước ngoài.

Bổ sung quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng; quy định rõ trách nhiệm lập hồ sơ, nguyên tắc thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thời hạn tiếp nhận hồ sơ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm công khai, minh bạch và thống nhất trong thực hiện.

7. Việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng do Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện.

Trường hợp đã quá thời hạn trả lời trên văn bản lấy ý kiến của Bộ Dân tộc và Tôn giáo mà các cơ quan chức năng chưa cho ý kiến hoặc cơ quan được xin ý kiến không thống nhất khen thưởng hoặc có ý kiến khác thì Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của cơ quan liên quan, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng theo quy định.

8. Tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu khi họp xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”.

Đối với cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của tập thể tham gia dự họp hoặc Hội đồng. Đối với cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của tập thể tham gia dự họp hoặc Hội đồng.

Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp phải được thể hiện trong biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản họp hội đồng xét khen thưởng.

9. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng

	a) Đối với khen thưởng công trạng: Căn cứ kế hoạch tổng kết công tác của Bộ hoặc chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn thời gian nộp hồ sơ khen thưởng công trạng hằng năm. b) Đối với khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động: Thực hiện theo hướng dẫn riêng của từng phong trào thi đua. c) Đối với khen thưởng thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất. d) Đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng có phục vụ trao thưởng tại Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội...: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tối thiểu trước 25 ngày làm việc so với thời gian dự kiến tổ chức Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội... của cơ quan, đơn vị. đ) Đối với khen thưởng cho cá nhân trước thời điểm nghỉ hưu: Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi cá nhân có thông báo nghỉ hưu hoặc quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ sử dụng công chức, viên chức, người lao động lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, tặng Bằng khen.	
--	---	--

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Giấy khen và các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ

1. Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở; trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.
2. Trên cơ sở kết quả bình xét: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc” của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở; Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”; Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho cá nhân, tập thể thuộc các đơn vị không có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.
3. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua được thực hiện theo hướng dẫn riêng đối với mỗi phong trào thi đua.

Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục xét tặng Giấy khen và các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; phân định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng và người có thẩm quyền quyết định

Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và Mục 2 Chương V Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Khi trình hồ sơ khen thưởng đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ đến Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Bộ Dân tộc và Tôn giáo nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định. 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng; trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo thẩm quyền; trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị. Trường hợp khen thưởng cho tập thể, cá nhân có yếu tố	Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng 1. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề Việc khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề phải bảo đảm kịp thời, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ về thời gian và dựa trên nguyên tắc thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, cụ thể: a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ kết quả, thành tích đạt được của cá nhân, tập thể hoặc văn bản hướng dẫn tổng kết thi đua theo chuyên đề do Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tham mưu ban hành, trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ; b) Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. 2. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng nhân dịp cơ quan, đơn vị thuộc Bộ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn) a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề xuất, trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ báo cáo, trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách về việc khen thưởng cho các cá nhân, tập thể, bao gồm: hình thức khen thưởng, đối tượng, số lượng và nguồn kinh phí khen thưởng; lập hồ sơ đề nghị	Bổ sung quy định riêng về hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng theo từng trường hợp khen thưởng như: thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề, kỷ niệm ngày thành lập, phối hợp thực hiện nhiệm vụ, trước khi nghỉ hưu, công trạng hằng năm và các trường hợp khác; bảo đảm thống nhất quy trình thực hiện đối với từng loại hồ sơ.
---	---	--

nước ngoài, đơn vị trình phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Vụ Hợp tác quốc tế.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xét, tặng Bằng khen của Bộ trưởng cho cá nhân thuộc đơn vị; hiệp y đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các trường hợp đề nghị Bộ trưởng khen thưởng theo chuyên đề; đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân trong và ngoài hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo thuộc địa bàn.

5. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương đề nghị Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xét, tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị; Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc đơn vị.

khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ.

Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo cho các cá nhân, đơn vị địa phương hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo của Bộ, của địa phương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày thành lập của Bộ và của đơn vị địa phương.

Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo báo cáo, trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách về việc khen thưởng cho các cá nhân, tập thể, bao gồm: hình thức khen thưởng, đối tượng, số lượng và nguồn kinh phí khen thưởng; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Căn cứ kết quả phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ động đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể các bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố hoặc cá nhân, tập thể thuộc đơn vị mình có thành tích, trực tiếp phối hợp thực hiện nhiệm vụ; báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách; trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến về chủ trương khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

b) Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị khen thưởng theo quy định.

4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ quá trình công tác của cá nhân, đối chiếu quy định; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện quy trình khen thưởng.

b) Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng công trạng hằng năm

a) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; Căn cứ kết quả xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tiến hành họp, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với

cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

b) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, thẩm định khen thưởng; báo cáo, đề xuất tổ chức họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo để bình xét khen thưởng theo quy định.

c) Trên cơ sở kết quả bình xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

7. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với các trường hợp khác

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng về thành tích liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị; báo cáo Thủ trưởng phụ trách, trình xin chủ trương của Bộ trưởng và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Tờ trình đề nghị khen thưởng phải bảo đảm các thông tin sau: Ý kiến của đơn vị về các thành tích thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham mưu của đơn vị; nội dung thành tích đề nghị khen thưởng; nguồn kinh phí chi khen thưởng đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng; văn bản xin ý kiến các đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo (nếu có).

b) Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện lấy ý kiến các đơn vị liên quan và xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”

1. Căn cứ quy định về điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (lập danh sách đề nghị theo mẫu 1e Phụ lục I kèm theo Thông tư).
2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.
3. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (cho các cá nhân thuộc phạm vi quản lý có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo) qua cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố.

Bổ sung quy định riêng về hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo"; quy định rõ thành phần hồ sơ, trách nhiệm của cơ quan đề nghị và trình tự thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 15. Số lượng, thành phần hồ sơ; thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ

1. Số lượng hồ sơ

Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ gồm 01 bộ bản giấy (bản chính) và văn bản điện tử của hồ sơ khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước.

2. Thành phần hồ sơ

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Mẫu số 1a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư).

b) Báo cáo thành tích của đối tượng được đề nghị khen thưởng (Mẫu số 1b, Mẫu số 1c, Mẫu số 1d, Mẫu số 1đ Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư).

c) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản xét khen thưởng:

Biên bản bình xét thi đua của tập thể cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”.

Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của tập thể cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”.

Biên bản xét khen thưởng của tập thể cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Giấy khen.

Bổ sung Điều 15 để quy định thống nhất về số lượng, thành phần hồ sơ và thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ. Điều này nhằm chuẩn hóa thành phần hồ sơ, tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ; quy định rõ thời hạn xử lý đối với từng trường hợp đủ và không đủ điều kiện khen thưởng, góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan tham mưu, bảo đảm công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác thi đua, khen thưởng.

d) Quyết định hoặc văn bản xác nhận về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (Mẫu số 1h Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư) hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.

Quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo có tiêu chuẩn liên quan tới sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

3. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện quy trình đề nghị Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng và thông báo cho cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trình khen trong thời gian 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thông báo cho cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trình khen.

	b) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thực hiện quy trình đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng và thông báo cho đơn vị trình khen trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thông báo cho đơn vị trình khen.	
Chương III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	Chương III THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TRƯỞNG VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ	Bổ sung mới (từ Điều 16 đến Điều 18).
	Điều 16. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có nguyện vọng cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng lập hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Hồ sơ có 01 bộ bản giấy (bản chính), gồm: a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng	

bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc hư hỏng, thất lạc vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng kèm theo (Mẫu số 2a, Mẫu số 2b, Mẫu số 2c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư);

b) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (đối với trường hợp đề nghị cấp đổi).

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thực hiện đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” và bằng của các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua khác.

Hiện vật cấp đổi, cấp lại do Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau:

Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đã hết nhiệm kỳ ký in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó: Nội dung thành tích viết theo quyết định khen thưởng, phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó (mẫu con dấu và mẫu chữ ký in sẵn được phục chế từ mẫu con dấu và chữ ký trong bằng đã được khen thưởng trước đây; quyết định khen thưởng; văn bản giới thiệu chữ ký của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; văn bản quy định mẫu con dấu của Bộ Công an); phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “Chứng nhận cấp lại bằng số: .../GCN-BD TTG. Cá nhân, tập thể, hộ gia

	đình khi được cấp đổi, cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo Giấy chứng nhận cấp đổi, cấp lại (Mẫu số 2d Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư). Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đang đương nhiệm ký thực hiện theo mẫu bằng được quy định hiện hành. 3. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi theo quy định.	
	Điều 17. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ 1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận. 2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng. 3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ bản giấy (bản chính) gồm: a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị thu hồi đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình; b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng	

	danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng). 4. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị. 5. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	
	Điều 18. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ 1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình. 2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi tiền thưởng theo quy định; tiền thưởng bị thu	

	hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.	
Chương IV HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP	
Điều 11. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng ủy và Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công tác thi đua, khen thưởng, có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Thành phần Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng. b) 01 đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: đồng chí Thứ trưởng phụ trách đơn vị Thường trực Hội đồng. c) Các Ủy viên Hội đồng. 3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng, Thường trực Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng, cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng. 4. Hoạt động của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo: a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên	Điều 19. Tổ chức của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: a) Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; b) Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở. 2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo: a) Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ và trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo trên phạm vi cả nước. b) Thành phần của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các Phó Chủ tịch gồm: các Thứ trưởng, Chánh Văn phòng Bộ; các ủy viên Hội đồng do Bộ trưởng xem xét, quyết định. c) Văn phòng Bộ là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. 3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ ra quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị.	Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức Hội đồng Thi đua, Khen thưởng theo hướng quy định đầy đủ Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp cơ sở; bổ sung quy định về thẩm quyền thành lập, thành phần, cơ quan thường trực và trách nhiệm của từng cấp Hội đồng, bảo đảm thống nhất trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thuộc Bộ.

Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định. b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng của ngành, triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo và cho ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết khác. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì phiên họp. c) Hội đồng quyết định tập thể những vấn đề sau đây: Quyết định kế hoạch, chương trình công tác theo chỉ đạo của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc chỉ đạo của Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ. Xét và đề nghị khen thưởng, quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng. Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các khối thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổ chức. d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua ở các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo. đ) Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo với Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ là quan hệ chỉ đạo, phối hợp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp thực hiện.	Đối với các đơn vị được quy định tại khoản 3 Điều 3 trình khen thưởng do Lãnh đạo đơn vị cùng đại diện cấp ủy đảng xem xét, thống nhất trình Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. b) Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở gồm: - Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; - Người đứng đầu tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Ủy viên thường trực; Phó Chủ tịch và Ủy viên khác của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quyết định; - Thư ký Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở là công chức, viên chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. c) Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở.	
--	---	--

5. Văn phòng Bộ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.		
	Điều 20. Hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở 1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách; tổ chức họp theo yêu cầu của công tác thi đua, khen thưởng. 2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. 3. Tại các kỳ họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Ủy viên Hội đồng nếu vắng mặt phải cử người đi họp thay để bảo đảm tính liên tục và thẩm quyền quyết định những việc có liên quan đến lĩnh vực đơn vị mình phụ trách; ý kiến của người đi họp thay được coi là ý kiến của Ủy viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng. Người đi họp thay chịu trách nhiệm về ý kiến đã tham gia thảo luận tại cuộc họp cũng như các quyết định của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; được bỏ phiếu bình xét thi đua, khen thưởng và tham gia quyết nghị các nội dung thảo luận của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; báo cáo ngay bằng văn bản với Ủy viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng về nội dung, kết quả cuộc họp. 4. Việc bình xét khen thưởng được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu. Thực hiện bỏ phiếu đối với các trường hợp xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các trường hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng. Trong trường hợp cá nhân, tập thể đạt tỷ lệ phiếu nhưng vượt quá tỷ lệ khen thưởng thì lấy kết quả từ cao xuống thấp; trường hợp cuối cùng nếu có số phiếu bằng nhau thì lấy theo kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu của Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng.	Kế thừa và bổ sung chi tiết hoạt động của các Hội đồng.

	5. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng có thể quyết định mời thêm một số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan tham dự cuộc họp. Các đại biểu mời dự họp được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết hoặc bỏ phiếu. 6. Ủy viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. 7. Trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm gửi văn bản, tài liệu, lấy ý kiến của từng Ủy viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng xem xét, quyết định. 8. Hội đồng Thi đua, khen thưởng được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. 9. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương. Các Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở phối hợp với nhau trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng và cùng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.	
Điều 13. Hội đồng Sáng kiến 1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo a) Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thành lập, giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. b) Thành phần Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến là Thứ trưởng phụ trách công tác Khoa học và Công nghệ; Phó Chủ tịch là: Chánh	Điều 21. Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo 1. Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo a) Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thành lập, giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. b) Thành phần Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến là Thứ trưởng phụ trách công tác Khoa học và Công nghệ; Phó Chủ tịch là: Chánh Văn phòng Bộ và Thủ	Tách quy định về Hội đồng Sáng kiến Bộ thành một điều riêng để quy định cụ thể về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, thành phần, cơ quan thường trực, nguyên tắc hoạt động và nguồn kinh phí của Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Việc tách thành điều riêng nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc công

Văn phòng Bộ và Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ về Khoa học và Công nghệ; Các Ủy viên do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định. c) Đơn vị được giao nhiệm vụ về Khoa học và Công nghệ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và ký xác nhận sáng kiến; tham mưu trình Lãnh đạo Bộ ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến. d) Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến của Bộ được tổ chức khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. đ) Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động của Hội đồng Sáng kiến từ ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc các nguồn kinh phí khác phù hợp theo quy định của pháp luật. 2. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở a) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp cơ sở và trình Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ xét công nhận sáng kiến cấp Bộ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. b) Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở của đơn vị.	trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ về Khoa học và Công nghệ; Các Ủy viên do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định. c) Đơn vị được giao nhiệm vụ về Khoa học và Công nghệ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và ký xác nhận sáng kiến; tham mưu trình Lãnh đạo Bộ ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến. d) Hội đồng Sáng kiến Bộ Dân tộc và Tôn giáo làm việc theo Quy chế tổ chức, hoạt động do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến của Bộ được tổ chức khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. đ) Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động của Hội đồng Sáng kiến từ ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc các nguồn kinh phí khác phù hợp theo quy định của pháp luật	nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp Bộ phục vụ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; đồng thời bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và nâng cao chất lượng thẩm định sáng kiến.
--	---	---

c) Thành phần Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các Ủy viên. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành. d) Đối với các đơn vị không có tư cách pháp nhân: Lãnh đạo đơn vị, đại diện cấp ủy đảng và tổ chức đoàn thể có nhiệm vụ công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp cơ sở và trình Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ xét công nhận sáng kiến cấp Bộ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.		
	Điều 22. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở 1. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp cơ sở và trình Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ xét công nhận sáng kiến cấp Bộ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân ra quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở của đơn vị. 3. Thành phần Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các Ủy viên. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ ban hành. 4. Đối với các đơn vị được quy định tại khoản 3 Điều 3: Lãnh đạo đơn vị cùng đại diện cấp ủy đảng xem xét, thống nhất, công nhận sáng kiến cơ sở; xem xét, trình cấp trên xét công nhận áp dụng hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.	Tách và bổ sung quy định về Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở thành một điều riêng; quy định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, thành phần, trách nhiệm của Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và trách nhiệm của các đơn vị không có tư cách pháp nhân trong việc công nhận sáng kiến, đề nghị công nhận sáng kiến cấp Bộ. Việc bổ sung quy định này nhằm phân định rõ thẩm quyền giữa cấp cơ sở và cấp Bộ, thống nhất quy trình công nhận sáng kiến làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và nâng cao hiệu quả quản lý công tác sáng kiến trong toàn Bộ.
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN	

Điều 14. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.	Điều 23. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026. 2. Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.	- Thay đổi bổ sung, điều chỉnh thành khoản 2 và khoản 3
	Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp Các hồ sơ đã gửi về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (theo dấu văn bản đến) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.	Bổ sung mới cho phù hợp Luật Thi đua, khen thưởng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16
Điều 15. Tổ chức thực hiện 1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này và các quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. 2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, Thủ	Điều 25. Tổ chức thực hiện 1. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Thông tư này; căn cứ tình hình thực tiễn phong trào thi đua hằng năm để nghiên cứu, đề xuất số lượng và tỷ lệ khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định. 2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. 3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản	- Cơ bản giữ nguyên, thay đổi một số nội dung phù hợp với các văn bản quy định của Luật Thi đua khen thưởng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16. - Dự thảo Thông tư mới quy định chi tiết hơn về thẩm quyền của Bộ trưởng, đồng thời ban hành kèm theo Thông tư các phụ lục hướng dẫn trong quá trình lập hồ

trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Văn phòng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./	về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (thông qua Văn phòng Bộ) để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.	sơ đề nghị các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.
---	--	--

CÁC DỰ THẢO PHỤ LỤC KÈM THEO THÔNG TƯ:
PHỤ LỤC I

MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BDTTG ngày 15 tháng 8 năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 1a	Tờ trình đề nghị khen thưởng
2	Mẫu số 1b	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua đối với tập thể
3	Mẫu số 1c	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân (<i>khen thưởng công trạng</i>)
4	Mẫu số 1d	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Giấy khen cho tập thể (<i>khen thưởng công trạng</i>)
5	Mẫu số 1đ	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Giấy khen (<i>thành tích xuất sắc đột xuất/khen thưởng chuyên đề ...</i>) cho cá nhân, tập thể và hộ gia đình
6	Mẫu số 1e	Mẫu danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”
7	Mẫu số 1g	Mẫu Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương, huy hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”
8	Mẫu số 1h	Mẫu xác nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến của Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ

Mẫu số 1a

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-

..., ngày ... tháng ... năm ..

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị khen thưởng ...

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BDTTG ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

Căn cứ văn bản số .../BDTTG-..... ngày .../.../.... của Bộ Dân tộc và Tôn giáo¹ (nếu có)

Căn cứ kết quả phiên họp/kết quả bình xét khen thưởng ngày/..../..... của....²

Kính đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng... xem xét, trình khen thưởng cho³ đã có thành tích⁴ theo tiêu chuẩn quy định tại⁵ ...

Các trường hợp đề nghị khen thưởng trên đảm bảo về hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

(Hồ sơ và Danh sách đề nghị khen thưởng kèm theo).

Kính trình Hội đồng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

¹ Văn bản hướng dẫn khen thưởng, văn bản hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua và đề xuất khen thưởng.

² Tên cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.

³ Ghi số lượng tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

⁴ Nội dung thành tích đề nghị khen thưởng.

⁵ Căn cứ đề nghị khen thưởng.

Mẫu số 1b

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU....¹ (Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình

- Tên đơn vị; địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị (cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các tổ chức đảng, đoàn thể).

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC²

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành³.

Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích hoặc thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về kết quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây)⁴; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ: Ghi rõ số quyết định hoặc số văn bản xác nhận; ngày, tháng, năm của quyết định hoặc của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn công tác của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động các tổ chức Đảng, đoàn thể⁶.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁷

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

-
- ¹ Ghi rõ: Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến.
- ² Báo cáo thành tích trong 01 năm đối với danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hằng năm, danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Báo cáo thành tích xuất sắc đạt được trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nội dung thi đua trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động hoặc triển khai thực hiện.
- ³ Báo cáo thành tích phải kê khai đầy đủ việc đáp ứng các tiêu chuẩn khen thưởng của danh hiệu thi đua theo quy định.
- ⁴ Đối với việc đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.
- ⁵ Đối với việc đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.
- ⁶ Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể. Tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể thì trong báo cáo thành tích phải ghi rõ “tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh” trong trường hợp đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.
- ⁷ Đối với việc đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

Mẫu số 1c

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm ..

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG...⁸**

(Khen thưởng công trạng năm)

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:.....Giới tính:..... Dân tộc:..... tôn giáo:.....
- Quê quán:.....
- Nơi thường trú:.....
- Cơ quan, địa phương công tác:.....
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):.....
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):.....
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:.....

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁹:

Báo cáo thành tích căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Đối với cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

- Đối với cá nhân là người đứng đầu đơn vị: Nêu tóm tắt thành tích của đơn vị trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác lãnh đạo, quản lý; chăm lo đời sống công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị.

- Đối với cá nhân là cấp phó của người đứng đầu đơn vị: Nêu tóm tắt thành tích lĩnh vực được phân công phụ trách trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác lãnh đạo, quản lý; công tác phối hợp với cấp ủy, người đứng đầu đơn vị chăm lo đời sống công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị.

b) Thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao¹⁰

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian tính thành tích tương ứng với tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được đề nghị (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ).

c) Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

d) Công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị

đ) Vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng, đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...(nếu có)

e) Về sáng kiến, đề tài

Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn có sáng kiến, đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học: Kê khai và cung cấp Quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

g) Về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành nhiệm vụ

Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ: Ghi rõ quyết định công nhận hoặc văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN¹¹

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

⁸ Ghi rõ: Danh hiệu Lao động tiên tiến, Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Giấy khen.

⁹ Báo cáo thành tích trong 01 năm đối với đề nghị danh hiệu Lao động tiên tiến, Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen; 02 năm liên tục đối với đề nghị Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; 03 năm liên tục đối với đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ.

¹⁰ Báo cáo thành tích phải kê khai đầy đủ việc đáp ứng các tiêu chuẩn khen thưởng của danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

¹¹ Trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Kê khai các danh hiệu thi đua đã được tặng là tiêu chuẩn để đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ.

Mẫu số 1d

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm ..

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

ĐỀ NGHỊ TẶNG¹

(Khen thưởng công trạng năm)

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH:

1. Đặc điểm, tình hình

- Tên đơn vị; địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị (cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các tổ chức đảng, đoàn thể).

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC²

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành³

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao

Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về kết quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo⁴

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác

Báo cáo thành tích cần thể hiện rõ việc thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong thời gian tính thành tích để đề nghị khen thưởng.

c) Về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành nhiệm vụ

Ghi rõ số quyết định công nhận hoặc số văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

- 2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích
- 3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
- 4. Hoạt động các tổ chức Đảng, đoàn thể

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁵

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

¹ Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Giấy khen.
² Báo cáo thành tích trong 01 năm đối với trường hợp đề nghị tặng Giấy khen; 02 năm liên tục đối với trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.
³ Báo cáo thành tích phải kê khai đầy đủ việc đáp ứng các tiêu chuẩn khen thưởng của hình thức khen thưởng theo quy định.
⁴ Đối với trường học, Báo cáo cần thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế, có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.
⁵ Trong trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Kê khai rõ các danh hiệu thi đua đã được tặng là tiêu chuẩn để đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Mẫu số 1đ

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG...¹ Về thành tích...²

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với tập thể: ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân: ghi rõ Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác, học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Đối với khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, khen thưởng theo chuyên đề: Báo cáo nêu kết quả thành tích đã đạt được trong thực hiện các chỉ tiêu, nội dung thi đua trong các phong trào thi đua hoặc thành tích đã đạt được trong việc thực hiện các chuyên đề³.

2. Đối với khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất: Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

3. Đối với khen thưởng cho cá nhân trước khi nghỉ hưu: Khai rõ thời gian công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc thời gian giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố; kê khai kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng trong vòng 05 năm trước thời điểm nghỉ hưu.

4. Đối với khen thưởng theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 8; điểm c, điểm d khoản 3 Điều 8; khoản 4, khoản 5 Điều 8; điểm d khoản 1 Điều 10; điểm d khoản 2 Điều 10; khoản 3, khoản 4 Điều 10 của Thông tư này: Cá nhân, tập thể, hộ gia đình căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Báo cáo đầy đủ những nội dung thành tích là tiêu chuẩn để xét tặng Bằng khen, Giấy khen.

5. Đối với cá nhân, tập thể thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Cá nhân, tập thể căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, báo cáo đầy đủ

những nội dung thành tích là tiêu chuẩn để xét tặng Bằng khen, Giấy khen và kê khai những danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được nhận trong vòng 03 năm tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng (số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định) và báo cáo rõ thông tin liên quan đến việc đang đề nghị các cơ quan, tổ chức khác khen thưởng.

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

¹ Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Dân tộc và Tôn giáo, Giấy khen

² Ghi rõ thành tích đề nghị khen thưởng.

³ Báo cáo thành tích phải kê khai đầy đủ việc đáp ứng các tiêu chí thi đua, tiêu chí xét khen thưởng theo quy định.

Mẫu số 1e

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TẶNG KỶ NIỆM CHUÔNG
“VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO”

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác/ngỉ hưu	- Kê khai quá trình công tác trong ngành, lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo ¹ - Thời gian công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; công tác tại khu vực có đông đồng bào tôn giáo. - Đã được khen thưởng. - Hình thức kỷ luật/ Quyết định kỷ luật.	Ghi chú
		Nam	Nữ			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

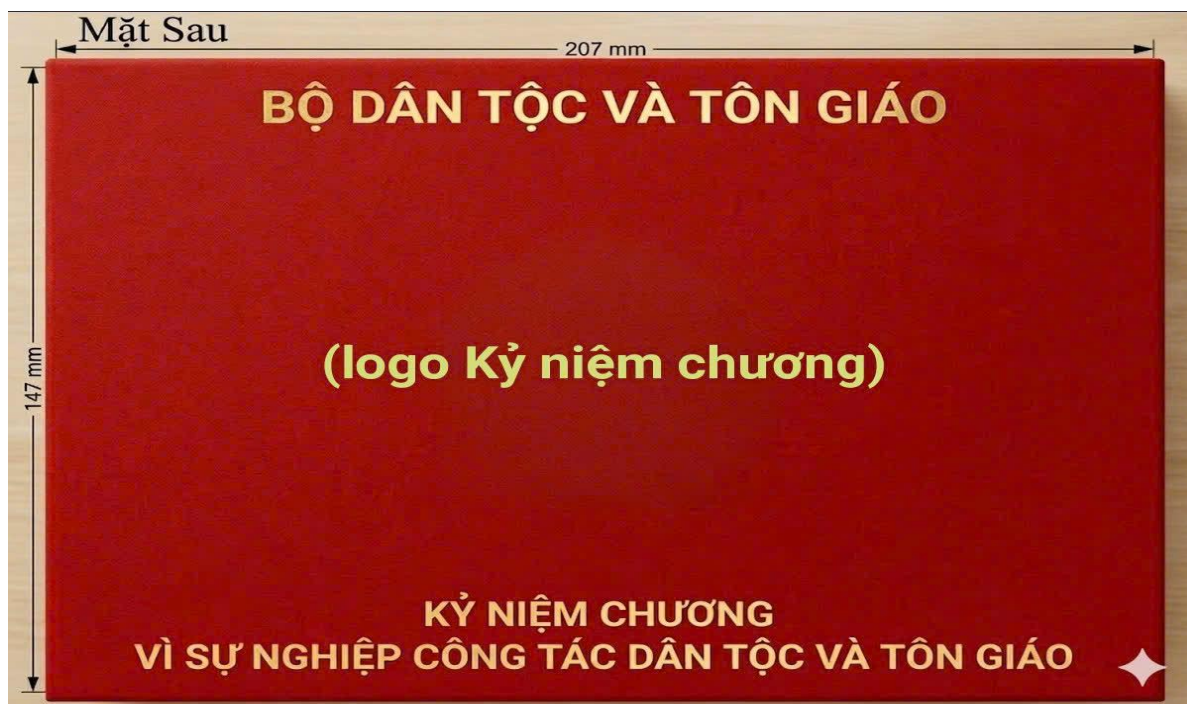
Người lập danh sách
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GHI CHÚ:

¹ Ghi số năm công tác trong ngành, lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo hoặc ghi thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển đối với công tác dân tộc và tôn giáo đối với cá nhân thuộc đối tượng không tính thâm niên công tác trong ngành, lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

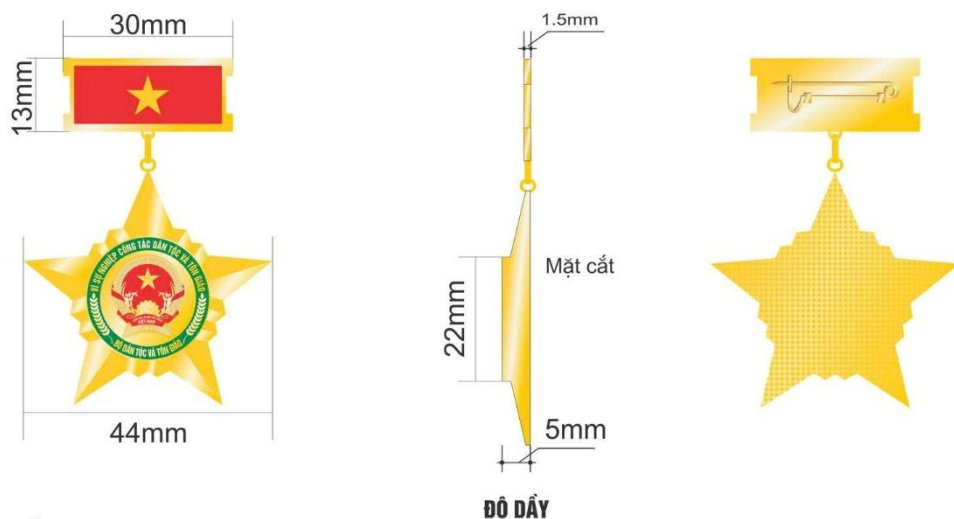
Mẫu số 1g

1. Hình mẫu giấy chứng nhận Kỷ niệm chương
“Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”



2. Mẫu huy hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”

KỶ NIỆM CHƯƠNG



- Chất liệu: Hợp kim mạ màu vàng
- Công nghệ: Đúc nổi, ăn mòn đồ màu, nền sần, phủ thủy tinh hữu cơ



PHỐI CẢNH 3D

Mẫu số 1h

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BDTTG-.....

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v Xác nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến

Kính gửi: ...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BDTTG ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.;

Bộ Dân tộc và Tôn giáo xác nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến năm 202... đề nghị xét, tặng..... cho cá nhân (hoặc các cá nhân) có tên sau đây:

1. Họ và tên:

Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tên sáng kiến:.....

- Hiệu quả đạt được khi áp dụng sáng kiến:

.....

.....

- Khả năng nhân rộng của sáng kiến:

.....

2. Họ và tên:.....

Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tên sáng kiến:.....

- Hiệu quả đạt được khi áp dụng sáng kiến:

.....

- Khả năng nhân rộng của sáng kiến:

.....

(Ý kiến của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến năm 202... để đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến.)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT, THPTTĐKT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN BỘ

(ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BDTTG ngày tháng 8 năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 2a	Công văn đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể
2	Mẫu số 2b	Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình
3	Mẫu số 2c	Danh sách đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng
4	Mẫu số 2d	Giấy chứng nhận cấp đổi/cấp lại bằng

Mẫu số 2a

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

ĐƠN VỊ

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật
khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ
Dân tộc và Tôn giáo

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng

Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tên tập thể đề nghị cấp đổi/ cấp lại¹:

Trực thuộc²:

Địa chỉ hiện nay:.....

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng³:.....

Theo Quyết định số⁴:.....ngày..... thángnăm.....

Của⁵:.....

Đơn vị trình khen⁶:.....

Lý do cấp đổi/ cấp lại⁷:.....

Hiện vật xin cấp đổi/ cấp lại⁸:.....

1.

2.

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo đối với trường hợp đề nghị cấp đổi)

(Tên đơn vị đề nghị cấp đổi/ cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai đơn vị xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

¹ Ghi tên của tập thể được khen thưởng.

² Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp.

³ Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

⁴ Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

⁵ Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.

⁶ Đơn vị trình khen: Ghi tên cơ quan, đơn vị đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.

⁷ Ghi hư hỏng, thất lạc hoặc ghi in sai bằng.

⁸ Ghi bằng, Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, giấy chứng nhận Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, giấy chứng nhận, huy hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” (có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

Mẫu số 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI/CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng

Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tên cá nhân, họ gia đình đề nghị cấp đổi/ cấp lại¹:

Số CCCD hoặc CMND.....

Cấp đổi cho²:.....

Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác³:.....

Địa chỉ hiện nay:.....

Điện thoại liên hệ:.....

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵:.....ngàythángnăm.....

Của⁶:.....

Đơn vị trình khen⁷:.....

Lý do cấp đổi/ cấp lại⁸:.....

Hiện vật xin cấp đổi/cấp lại⁹:.....

1.

2.

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo đối với trường hợp đề nghị cấp đổi)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày tháng năm...

Người đề nghị

Ký, ghi rõ họ và tên

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

¹ Ghi tên của người đề nghị cấp đổi/ cấp lại nếu là thân nhân đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho hộ gia đình.

² Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp đổi/ cấp lại.

³ Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị khi được khen thưởng; Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho hộ gia đình.

⁴ Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

⁵ Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

⁶ Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.

⁷ Đơn vị trình khen: Ghi tên cơ quan, đơn vị đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.

⁸ Ghi hư hỏng, thất lạc hoặc ghi in sai bằng.

⁹ Ghi bằng, giấy chứng nhận Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, giấy chứng nhận, huy hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” (có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

Mẫu số 2c

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI/CẤP LẠI HIỆN VẬT
KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Công văn số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

TT	Hình thức khen thưởng/ Danh hiệu thi đua	Tên đối tượng được khen thưởng	Quê quán/ Chức vụ, đơn vị công tác	Số Quyết định khen thưởng	Ngày, tháng, năm Quyết định	Họ và tên người ký bằng	Đơn vị trình khen thưởng	Hiện vật đề nghị cấp đổi/ cấp lại		Lý do cấp đổi/ cấp lại
								Bằng	Cờ thi đua, giấy chứng nhận Chiến sĩ thi đua cấp Bộ/ huy hiệu Kỷ niệm chương....	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Tổng số:trường hợp cấp đổi/cấp lại

Có:hiện vật khen thưởng cấp đổi kèm theo

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng

1. Ghi số thứ tự trong danh sách.
2. Ghi tên hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua của đối tượng được khen thưởng.
3. Ghi tên tập thể hoặc cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng.
4. Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị khi được khen thưởng; Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi/cấp lại cho hộ gia đình.
5. Ghi số của Quyết định khen thưởng.
6. Ghi ngày, tháng, năm của Quyết định khen thưởng.
7. Ghi họ và tên người ký bằng.
8. Ghi tên cơ quan, đơn vị đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.
9. Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp đổi bằng.
10. Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp đổi Cờ thi đua của Bộ, giấy chứng nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Huy hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”.....
11. Ghi bị hư hỏng, thất lạc hoặc in sai bằng.

Mẫu số 2d

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /GCN-BD TTG

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Cấp đổi/cấp lại bằng

Bộ Dân tộc và Tôn giáo chứng nhận cấp đổi/cấp lại bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân, hộ gia đình):

Quê quán (chức vụ, đơn vị công tác):.....

Đã được tặng thưởng¹:.....

Thành tích khen thưởng²:.....

Theo Quyết định số:ngày ... tháng ... năm của³

Đơn vị trình khen⁴:...../.

Nơi nhận:

-

- Bộ trưởng (để b/c);

- Lưu: VT, THTTĐKT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

² Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng.

³ Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng.

⁴ Ghi cơ quan, đơn vị đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.